

XÂY DỰNG HỆ THỐNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG DẠY HỌC CỦA GIÁO VIÊN LỊCH SỬ ĐÁP ỨNG CHUẨN NGHỀ NGHIỆP GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG

ThS. ĐOÀN NGUYỆT LINH*

Ở các trường trung học phổ thông (THPT) hiện nay, giáo viên (GV) bộ môn Lịch sử (LS) nhìn chung đều được tuyển chọn theo đúng các quy định của Bộ GD-ĐT, theo điều lệ của các trường đại học kết hợp với quy định riêng của mỗi trường, do vậy phần lớn họ đều được đào tạo bài bản, có chuyên môn, có nhiệt huyết. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc bồi dưỡng, phát triển đội ngũ GV LS, cần xác định hệ thống tiêu chí đánh giá kĩ năng dạy học (KNDH) của họ dựa trên nhiệm vụ cơ bản là giảng dạy nhằm đáp ứng chuẩn nghề nghiệp GV THPT.

1. Quan niệm kĩ năng dạy học

KNDH là khả năng thực hiện có hiệu quả một số thao tác hay một loạt các thao tác của một hành động giảng dạy bằng cách lựa chọn, vận dụng những tri thức, cách thức, quy trình hợp lí.

KNDH là việc sử dụng có hiệu quả các thao tác dạy học (DH) chuẩn xác, ít tốn thời gian và mang lại hiệu quả cao.

Chúng tôi đã xác định có tới 14 dấu hiệu cơ bản cần được sử dụng để xây dựng tiêu chí cho từng KNDH LS, đó là: 1) Biết xây dựng mục tiêu bài học phù hợp; 2) Tổ chức và quản lí tốt lớp học trong quá trình DH; 3) Sử dụng hợp lí các phương pháp dạy học (PPDH) cơ bản cho từng nội dung và đối tượng học, từng thời điểm của bài lên lớp; 4) Tìm kiếm các nguồn tài liệu bổ sung phong phú nội dung bài học trên lớp; 5) Chuẩn bị giáo án tốt, sáng tạo, không dập khuôn mà tùy vào nội dung và đối tượng DH; 6) Sử dụng hợp lí các phương tiện dạy học (PTDH) và đồ dùng DH, tài liệu học tập có khoa học; 7) Có kinh nghiệm kích thích tính tích cực và nhu cầu học tập của người học ở nhiều trình độ nhận thức trong một lớp học theo hướng tự học, tự nghiên cứu; 8) Có kinh nghiệm kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS khách quan, công bằng, hợp lí, chính xác; 9) Có khả năng sử dụng ngôn ngữ nói, hệ thống giao tiếp phi ngôn ngữ trong quá trình DH, tổ chức lớp; 10) Có

khả năng tương tác với HS trong môi trường DH đa phương tiện có hiệu quả; 11) Phân phối thời gian cho một tiết học hợp lí và hợp trình độ; 12) Có phong cách sư phạm chuẩn mực; 13) Duy trì thường xuyên bầu không khí học tập cho mọi thành viên trong lớp học; 14) Biết khen, chê kịp thời, đúng đối tượng để khuyến khích khả năng đóng góp vào bài học của mọi thành viên trong lớp học.

2. Các nguyên tắc xây dựng tiêu chí đánh giá KNDH

Trên quan điểm tiếp cận mới về quá trình DH, quá trình giáo dục, với Chuẩn nghề nghiệp GV THPT thì các nguyên tắc đó là: 1) Có tính thực tiễn: các tiêu chí đánh giá KN sư phạm phải có giá trị thực tiễn, phải trở thành công cụ cho các nhà quản lí đánh giá được KN sư phạm của GV được đào tạo trong các cơ sở giáo dục đại học sư phạm; 2) Có tính hiện đại: các tiêu chí phải mang tính hiện đại, đánh giá được những KN của GV đáp ứng được yêu cầu đối với người GV hiện nay; 3) Có tính khả thi: hệ thống tiêu chí hoàn toàn có thể sử dụng được trong điều kiện thực tiễn của các trường đại học Việt Nam hiện nay; 4) Có tính độc lập: các tiêu chí phải tương đối độc lập với nhau, không được trùng nhau khi xét từng KN; 5) Có tính phổ biến: có thể áp dụng cho mọi đối tượng GV ở các vùng miền; 6) Có tính toàn diện: phải đánh giá đầy đủ được các KN sư phạm cơ bản về các mặt của mỗi KN; 7) Có tính cụ thể: Các chỉ số đánh giá phải được thể hiện cụ thể ở từng KN; 8) Có tính phù hợp: chỉ số đánh giá mỗi tiêu chí phải phù hợp với mục đích, nội dung, yêu cầu chuẩn GV theo quy định hiện hành; 9) Có tính thống nhất: có sự thống nhất bên trong giữa các chỉ số đánh giá trong cùng một tiêu chí và sự thống nhất giữa các tiêu chí với nhau.

3. Hệ thống tiêu chí đánh giá KNDH LS đối với GV phổ thông

*Trưởng Đại học giáo dục - Đại học quốc gia Hà Nội

TT	KN	Tiêu chí	Mức điểm
1	Nghiên cứu đổi tượng dạy học, môi trường dạy học	TC1: Xác định được các đặc điểm (hứng thú, nhu cầu, kiểu học, năng lực...) cần nghiên cứu ở HS để phục vụ cho hoạt động DH	0 điểm: Không xác định được các đặc điểm của HS
			1 điểm: Xây dựng được phiếu khảo sát với đầy đủ nội dung cần tìm hiểu về HS (hứng thú, nhu cầu, kiểu học, năng lực...)
			2 điểm: Lựa chọn và sử dụng đúng phương pháp nghiên cứu năng lực, nhu cầu của người học, phù hợp thời điểm tiến hành
			3 điểm: Nghiên cứu hồ sơ của người học, trao đổi với đồng nghiệp, cha mẹ HS và cập nhật, bổ sung thông tin về HS phục vụ cho hoạt động DH
			4 điểm: Xử lý kết quả thu được dựa trên các phương pháp khoa học (định tính và định lượng), từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể nhằm điều chỉnh kế hoạch DH phù hợp với điều kiện triển khai
		TC2: Xác định được cụ thể các đặc điểm của môi trường DH để phục vụ cho hoạt động DH	0 điểm: Không xác định được các đặc điểm của môi trường DH
			1 điểm: Khảo sát tình hình cơ sở vật chất, thiết bị DH (môn học phụ trách) của nhà trường
			2 điểm: Đánh giá được mức độ đáp ứng cơ sở vật chất, thiết bị DH với yêu cầu DH môn học
			3 điểm: Vận dụng được các PP điều tra để đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc sử dụng cơ sở vật chất, thiết bị DH, cũng như các nhân tố ảnh hưởng đến việc học tập của HS
			4 điểm: Sử dụng các thông tin thu được từ khảo sát thực tế môi trường DH để triển khai và điều chỉnh kế hoạch DH
2	Lập kế hoạch DH	TC1: Xác định được mục tiêu, nội dung DH	0 điểm: Không xác định được mục tiêu, nội dung DH
			1 điểm: Mô tả cụ thể các mục tiêu DH và chia theo các thang bậc nhận thức
			2 điểm: Mục tiêu DH là cơ sở xác định kiến thức cơ bản
			3 điểm: Xác định được kiến thức cơ bản và kiến thức mở rộng, nâng cao hướng đến các mục tiêu DH, phù hợp với trình độ, nhu cầu người học.
			4 điểm: Xác định được nội dung kiến thức hệ thống (theo mạch xuyên suốt cấp học), có mối liên hệ với môn học khác đảm bảo tính liên môn trong DH
	TC2: Chuẩn bị tài liệu, PTDH	0 điểm: Chưa chọn được tài liệu, PTDH	
		1 điểm: Biết cách sử dụng công cụ tìm kiếm tài liệu và biết sử dụng PTDH truyền thống (bản đồ, tranh ảnh...)	
		2 điểm: Sử dụng các KN tìm kiếm tài liệu trong thư viện và thông tin trên mạng Internet có hiệu quả.	
		3 điểm: Có khả năng phân loại được các tài liệu theo mức độ cần thiết đối với từng nội dung của bài học và tài liệu tham khảo.	
		4 điểm: Có phương pháp lưu trữ tài liệu và các thông tin tìm kiếm được một cách khoa học	
	TC3: Xác định PP, hình thức tổ chức DH phù hợp	0 điểm: Chưa xác định được PP, HTTC DH	
		1 điểm: Dự kiến tiến trình hoạt động dạy và hoạt động học phù hợp với mục tiêu và nội dung của bài học	
		2 điểm: Xác định các phương pháp và hình thức tổ chức phù hợp cho từng nội dung của bài học, phù hợp với năng lực, nhu cầu của từng nhóm người học trong lớp	
		3 điểm: Xác định thời lượng hợp lý cho từng phần nội dung bài học, chú ý vào những nội dung quan trọng	
		4 điểm: Dự kiến được những tình huống có thể xảy ra trong hoạt động học tập của HS và đề ra những biện pháp điều chỉnh tương ứng.	
3	Tổ chức, triển khai DH	TC1: Đảm bảo chương trình môn học	0 điểm: Chưa căn cứ vào chuẩn môn học
			1 điểm: Kế hoạch DH bám sát chuẩn kiến thức, KN của chương trình môn học, có tính đến yêu cầu phân hóa
			2 điểm: Kế hoạch DH bám sát chuẩn kiến thức, KN của chương trình môn học, thực hiện đúng kế hoạch DH, có chú ý thực hiện yêu cầu phân hóa
			3 điểm: Kế hoạch DH bám sát chuẩn kiến thức, KN của chương trình môn học, thực hiện đầy đủ kế hoạch DH đã thiết kế, đảm bảo được yêu cầu phân hóa
			4 điểm: Kế hoạch DH bám sát chuẩn kiến thức, KN của chương trình môn học, thực hiện linh hoạt, sáng tạo kế hoạch DH đã thiết kế, đảm bảo tốt yêu cầu phân hóa
		TC2: Sử dụng PPDH	0 điểm: Sử dụng phương pháp truyền thống, đơn điệu
			1 điểm: Sử dụng PPDH phù hợp với điều kiện DH, với thời lượng dành cho từng bài học, cho từng phần của bài học
			2 điểm: Sử dụng PPDH phù hợp với điều kiện DH, với thời lượng dành cho từng bài học, cho từng phần của bài học
			3 điểm: Sử dụng linh hoạt các phương pháp/kĩ thuật DH phù hợp với tình huống cụ thể trong giờ học, tạo bầu không khí học tập chủ động
			4 điểm: Sử dụng linh hoạt các phương pháp/kĩ thuật DH phù hợp với tình huống cụ thể trong giờ học, tạo bầu không khí học tập chủ động, phát triển KN tự học cho HS
		TC3: Sử dụng PTDH	0 điểm: Chưa có PTDH hỗ trợ
			1 điểm: Sử dụng các PTDH như tranh ảnh, bản đồ... quy định trong chương trình môn học
			2 điểm: Lựa chọn và sử dụng được các PTDH quy định phù hợp với mục tiêu, thời lượng, nội dung bài học

			<p>3 điểm: Sử dụng thành thạo các PTDH truyền thống kết hợp các PTDH hiện đại làm tăng hiệu quả DH</p> <p>4 điểm: Sử dụng sáng tạo các PTDH truyền thống kết hợp các PTDH hiện đại, biết cải tiến PTDH và sáng tạo PTDH mới</p>
		TC4: Xây dựng môi trường học tập	<p>0 điểm: Chưa tạo được bầu không khí học tập thân thiện, tích cực</p> <p>1 điểm: Tạo được tình huống dẫn dắt và thu hút HS vào bài học, khuyến khích HS tham gia hoạt động học tập</p> <p>2 điểm: Biết lắng nghe, chờ đợi câu trả lời của người học và tạo cơ hội cho người học trình bày ý kiến, nêu câu hỏi thắc mắc.</p> <p>3 điểm: Tạo được bầu không khí thân thiện, cởi mở, tin tưởng giữa GV và HS trong quá trình giao tiếp, lời cuốn HS tham gia hoạt động học tập hợp tác, tích cực</p> <p>4 điểm: Luôn giữ thái độ bình tĩnh trong mọi tình huống, tôn trọng ý kiến HS; kết hợp hiệu quả giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ với HS; tổ chức để HS chủ động phối hợp làm việc cá nhân, nhóm tạo không khí thi đua lành mạnh trong lớp học; đảm bảo điều kiện học tập an toàn</p>
		TC5: Hướng dẫn HS tự học	<p>0 điểm: Thuyết trình bài học và chưa hướng dẫn HS tự học</p> <p>1 điểm: Hướng dẫn các kĩ thuật đọc và ghi nhớ/ghi chép thông tin cho HS</p> <p>2 điểm: Xây dựng các chủ đề học tập có ý nghĩa thực tiễn cao đòi hỏi HS tìm kiếm các nguồn thông tin khác nhau</p> <p>3 điểm: Định hướng nhiệm vụ học tập rõ ràng. Tư vấn cho HS về nguồn tài liệu cần đọc, phù hợp nhu cầu, hứng thú của người học</p> <p>4 điểm: - Phối hợp hiệu quả với các GV bộ môn, phụ huynh HS trong quá trình giúp đỡ HS tự học ở nhà; - Hướng dẫn HS sử dụng Internet để phục vụ hoạt động học tập (tìm kiếm thông tin trên Internet, lựa chọn công cụ tìm kiếm, thực hiện và điều chỉnh, tìm kiếm, xác định tính chính xác của kết quả). Sử dụng các công cụ giao tiếp, hỗ trợ HS qua Internet</p>
		TC 6: Tổ chức các hình thức DH ngoài giờ lên lớp	<p>0 điểm: Chưa biết cách xây dựng chủ đề, hình thức hoạt động ngoại khóa</p> <p>1 điểm: Xây dựng chủ đề, hình thức hoạt động ngoại khóa thu hút sự quan tâm của người học, phù hợp nguyện vọng của họ</p> <p>2 điểm: Biết giao nhiệm vụ cho từng nhóm và cá nhân người học một cách hợp lý và tổ chức tốt kế hoạch ngoại khóa.</p> <p>3 điểm: Tổ chức cho người học thu thập tài liệu về chủ đề ngoại khóa/dịa điểm thăm quan; thảo luận, đề xuất ý tưởng để xây dựng kế hoạch</p> <p>4 điểm: Hướng dẫn được người học viết bản thu hoạch trên cơ sở đó tổng kết, rút kinh nghiệm. Phân tích, đánh giá được kết quả của giờ học ngoại khóa, ghi chép những kinh nghiệm cho lần sau</p>
4	Kiểm tra đánh giá kết quả học tập của HS	TC1: Xây dựng kế hoạch KTĐG	<p>0 điểm: Kế hoạch DH chưa có lịch trình KTĐG</p> <p>1 điểm: Lập được kế hoạch KTĐG phù hợp phân phối chương trình, dựa theo chuẩn kiến thức, KN của môn học</p> <p>2 điểm: Thiết kế được các đề kiểm tra trắc nghiệm khách quan và tự luận đảm bảo các yêu cầu về thời gian về hình thức kiểm tra, xây dựng thang điểm hợp lý</p> <p>3 điểm: Kế hoạch KTĐG thể hiện được phương pháp/kĩ thuật KTĐG đa dạng</p> <p>4 điểm: Kế hoạch KTĐG thể hiện được phương pháp/kĩ thuật KTĐG đa dạng; nguyên tắc, thời điểm và thời lượng để tiến hành kiểm tra đánh giá phù hợp điều kiện DH, năng lực HS</p>
		TC 2: Thực thi KTĐG	<p>0 điểm: Không thực hiện theo kế hoạch KTĐG</p> <p>1 điểm: Bước đầu vận dụng KTĐG theo chuẩn kiến thức, KN của môn học.</p> <p>2 điểm: Vận dụng KTĐG theo chuẩn kiến thức, KN của môn học, phù hợp mục đích ĐG; lựa chọn PP, hình thức KTĐG phù hợp</p> <p>3 điểm: Sử dụng thành thạo các PP/kĩ thuật KTĐG; đảm bảo tính công khai, khách quan, chính xác, toàn diện và công bằng; biết sử dụng kết quả KTĐG để điều chỉnh quá trình DH</p> <p>4 điểm: Quan tâm đúng mức đến đánh giá thường xuyên trong tiến trình DH. Nhận xét, phản hồi kịp thời về kết quả học tập, tạo động lực học tập cho người học. Sáng tạo trong thiết kế công cụ hướng dẫn HS tự học, tự kiểm tra đánh giá nhằm phát triển năng lực tự đánh giá của HS.</p>
5	Tự đánh giá cải tiến hoạt động DH, phát triển chuyên môn	TC 1: Xây dựng, quản lí hồ sơ DH	<p>0 điểm: Không có hồ sơ DH</p> <p>1 điểm: Xây dựng được hồ sơ DH và bảo quản, phục vụ cho DH theo quy định</p> <p>2 điểm: Sắp xếp khoa học các tài liệu, văn bản trong hồ sơ DH, dễ sử dụng</p> <p>3 điểm: Hồ sơ DH được bảo quản tốt, thường xuyên được cập nhật, bổ sung</p> <p>4 điểm: Có khả năng sử dụng CNTT trong xây dựng, lưu giữ và bổ sung tư liệu thường xuyên vào hồ sơ DH, phục vụ tốt việc DH</p>
		TC2: Thực thi tự đánh giá cải tiến	<p>0 điểm: Không có ghi chép đánh giá cải tiến</p> <p>1 điểm: Lập kế hoạch đánh giá cải tiến theo từng học kì, từng năm, phân tích được những kết quả</p> <p>2 điểm: Lấy ý kiến đánh giá của người quản lí, đồng nghiệp, người học để rút kinh nghiệm việc DH</p> <p>3 điểm: Phân tích được những mặt mạnh và yếu trong hoạt động DH của bản thân theo từng giai đoạn, từ đó xây dựng kế hoạch tự học, tự nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ</p> <p>4 điểm: Phát hiện những hạn chế của bản thân, tìm nguyên nhân của những hạn chế, xác định biện pháp khắc phục, rút kinh nghiệm cho bản thân. Sử dụng hồ sơ DH như một công cụ hỗ trợ tự đánh giá cải tiến hoạt động DH của bản thân</p>

(Xem tiếp trang 53)

tới động lực của cá nhân (4). Những kinh nghiệm về SNT là cơ sở cho việc tạo ra những ý tưởng và hành động, mang sắc thái cá nhân thể hiện ở việc lựa chọn hay bỏ qua một vấn đề nhận thức nào đó khi họ đứng trước một tình huống nhận thức.

3. Khả năng vận dụng lí luận về SNT vào DH toán

Từ định nghĩa về SNT và các thành tố cơ sở của nó cho thấy, SNT là vấn đề đã được các nhà giáo dục trên thế giới quan tâm nghiên cứu chưa lâu. Tuy nhiên, những vấn đề mà lí thuyết này đề cập đến là một trong những lí thuyết về nhận thức không chỉ giúp người học lĩnh hội một tri thức nào đó mà còn quan tâm đến việc người học tự nhận thức được phương pháp và các chiến lược nhận thức cần sử dụng trong quá trình nhận thức. Như vậy, lí thuyết về SNT rất phù hợp với xu hướng tiếp cận năng lực trong đổi mới giáo dục của nước ta trong giai đoạn tới.

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng, bên cạnh năng lực ngôn ngữ thì năng lực toán học là năng lực không thể thiếu của con người. Vậy, lí thuyết SNT có khả năng vận dụng như thế nào vào quá trình DH môn Toán để phát triển năng lực toán học cho HS? Các nghiên cứu trong (3) chỉ ra rằng: kĩ năng SNT của HS sẽ được hình thành và phát triển thông qua tất cả các môn học. Vì vậy, trong sơ đồ chương trình giáo dục của Singapore đã xác định, kĩ năng SNT là một trong những thành tố quan trọng để hình thành năng lực "giải quyết các vấn đề toán học" cho HS. □

(1) I. F. Khamlop. "Phát huy tính tích cực học tập của học sinh như thế nào?". NXB Giáo dục, H. 1987.

(2) Dự án Việt - Bỉ. "Dạy học các kĩ năng tư duy". H. 2000.

(3) Flavell, J.H. "Metacognition and cognitive monitoring. A new area of cognitive-development inquiry". *American Psychologist* 34: 906-911. 1979.

(4) en.wikipedia.org/wiki/metacognition.

(5) Connie Malamed. "Metacognition and learning: Strategies for instructional Design".

Tài liệu tham khảo

Gourgey, A.F. "Metacognition in basic skills instruction". *Instructional science* 26: 81-96. 1998.

SUMMARY

Metacognition refer to "cognition about cognition" or "knowing about knowing". That mean, metacognition thinks about one's own thinking process such as study skills, memory capabilities, and the ability to monitor learning. Metacognitions is one of the most important components of mathematics problem solving.

Xây dựng hệ thống tiêu chí...

(Tiếp theo trang 50)

Như vậy, để đánh giá đội ngũ GV LS một cách có hiệu quả và thực chất theo các tiêu chí nêu trên, theo chúng tôi, cần nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho sinh viên sư phạm LS ở các trường ĐHSP. Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy muốn sinh viên có tay nghề vững cần: - Có kế hoạch rèn luyện nghề cho sinh viên thường xuyên ngay từ học kì 2 của năm thứ 1 để họ có định hướng nghề nghiệp rõ ngay từ năm thứ nhất; - Các giáo trình cơ bản ở đại học nên chắt giảm bớt mặt hàn lâm ở cử nhân sư phạm, tăng cường trình bày kĩ những nội dung các phần liên quan đến giáo dục trí dục ở phổ thông; - Cần có kế hoạch thường xuyên rèn cho sinh viên KN sử dụng, chế tạo đồ dùng DH, KN viết, KN sử dụng công nghệ thông tin, khai thác, trình bày các vấn đề trước đám đông mang tính sư phạm cao; - Cần xây dựng hệ thống chương trình tài liệu bồi dưỡng định kì thiết thực và có hiệu quả đối với GV ở các trường phổ thông. Hàng năm lấy ý kiến thăm dò các nhu cầu của GV cần bồi dưỡng về kiến thức, KNDH, các PPDH. Trên cơ sở đó xây dựng chương trình, tài liệu bồi dưỡng chu đáo. Tài liệu này phải được các chuyên gia có kinh nghiệm biên soạn, phải được thẩm định kĩ càng về nội dung trước khi sử dụng. Chọn lọc đội ngũ giảng viên có trình độ, am hiểu về lĩnh vực sư phạm, tổ chức tập huấn để thực sự có tác dụng nâng cao trình độ cho GV. □

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Ngọc Bảo - Hà Thị Đức. **Hoạt động dạy học ở trường trung học cơ sở**. NXB Đại học sư phạm, H. 1988.

2. Bernd Meier - Nguyễn Văn Cường. *Lí luận dạy học hiện đại*. Postdam - Hà Nội, 2009.

3. Wilbert J. McKeachie. *Những thủ thuật trong dạy học - các chiến lược nghiên cứu và lí thuyết về dạy học dành cho các giảng viên đại học và cao đẳng* (bản dịch). College Permissions Hought Mifflin Company, 2003.

4. Kỉ yếu hội thảo khoa học "Nâng cao chất lượng nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên các trường đại học sư phạm". Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2010.

SUMMARY

Today history teacher subjects in high school generally selected in accordance with the regulations of the Ministry of Education and Training, under the charter of the University associated with the specific regulations of each school, as so most of them are well trained, professional, motivated. To create favorable conditions for fostering development team history teachers should identify system evaluation criteria of their teaching skills based on the task of teaching basic for adapts to professional standard of high school teachers.